

Số: 687 /BC-UBND

Nghệ An, ngày 18 tháng 11 năm 2016

## BÁO CÁO

### Công tác Cải cách hành chính tỉnh Nghệ An năm 2016 Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2017

Năm 2016 là năm đầu tiên tiếp tục triển khai các Chương trình, Kế hoạch cải cách hành chính của Chính phủ, UBND tỉnh trong giai đoạn II, giai đoạn 2016-2020. Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện, UBND tỉnh báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính tỉnh Nghệ An như sau:

#### I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TUYÊN TRUYỀN, KIỂM TRA

##### 1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng chương trình, kế hoạch

Công tác cải cách hành chính (CCHC) tiếp tục được Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh quan tâm, ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo.

Thực hiện lãnh đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai nhiệm vụ CCHC theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo nhiều nội dung quan trọng: Xây dựng, ban hành đề án Đầu tư trực tiếp nước ngoài (ĐI) và Đề án thành lập Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ đầu tư trực thuộc UBND tỉnh<sup>1</sup>; Đề án thành lập Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ đầu tư trực thuộc UBND tỉnh<sup>2</sup>; Tổ chức Hội nghị cán bộ lãnh đạo chủ chốt quán triệt nội dung Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp và ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị<sup>3</sup>...

Năm 2016, HĐND đã ban hành Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 14/8/2016 về mức hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; các ban của HĐND tỉnh tiếp tục thực hiện hoạt động giám sát đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước.

Việc xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai nhiệm vụ CCHC được các sở, ngành, địa phương quan tâm thực hiện. Tiếp tục thực hiện Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2012-2020, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch CCHC tỉnh Nghệ An năm 2016. Trên cơ sở các kế hoạch của tỉnh, Sở Nội vụ - Cơ quan Thường trực CCHC của tỉnh - đã hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị, địa phương xây dựng, ban

<sup>1</sup> Quyết định số 2277/QĐ-UBND ngày 23/5/2016.

<sup>2</sup> BTV Tỉnh uỷ đã có Thông báo số 457-TB/TU ngày 01/11/2016 thống nhất chủ trương thành lập Trung tâm XT&HTĐT. Hiện UBND tỉnh đang thực hiện quy trình xin ý kiến của Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, Ngành liên quan và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Trung tâm.

<sup>3</sup> Kế hoạch số 625/KH-UBND ngày 21/10/2016.

hành kế hoạch CCHC giai đoạn 2016-2020, kế hoạch CCHC năm 2016 và hoàn thành nhiệm vụ này ngay trong quý I. Qua tổng hợp từ báo cáo của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, đến thời điểm báo cáo có 98,6% số cơ quan ở cấp tỉnh và 93% cơ quan ở cấp huyện dự kiến hoàn thành kế hoạch năm 2016.

Ngoài nhiệm vụ tại kế hoạch CCHC năm, UBND tỉnh, các ngành, các cấp đã tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành thông qua việc ban hành nhiều văn bản triển khai nhiệm vụ CCHC như: về tăng cường triển khai Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2016-2020, về sử dụng thư điện tử công vụ, về việc cung cấp thông tin phục vụ công khai tiến độ giải quyết hồ sơ trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; về ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước v.v... Tổng số văn bản chỉ đạo, điều hành, triển khai các nội dung CCHC của các sở, ban, ngành cấp tỉnh đã ban hành trong năm 2016 là 208 văn bản, ở cấp huyện là 242 văn bản.

## 2. Công tác tuyên truyền

Công tác tuyên truyền CCHC năm 2016 được quan tâm thực hiện. Nhiều đơn vị đã triển khai nhiệm vụ tuyên truyền CCHC với nội dung, hình thức phong phú, đa dạng. Hình thức tuyên truyền CCHC chủ yếu là qua hội nghị phổ biến, quán triệt, giao ban, đánh giá, sơ kết, tổng kết, sinh hoạt đảng, sinh hoạt đoàn thể hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng như cập nhật văn bản trên cổng/trang TTĐT, bản tin nội bộ,... Nội dung tuyên truyền tập trung vào việc phổ biến, quán triệt các chương trình, kế hoạch CCHC nhà nước các cấp, văn bản triển khai thi hành Luật, Nghị định của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ, Ngành. Sở Thông tin và Truyền thông đã cung cấp, cập nhật 10.622 tin, bài, văn bản liên quan về thủ tục hành chính, về văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành lên cổng TTĐT tỉnh và các cổng thành phần. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Nghệ An tiếp tục duy trì chương trình CCHC, đã phát sóng 24 chuyên đề CCHC, 20 phóng sự ngắn, 30 tin trên sóng phát thanh và truyền hình; đồng thời đăng tải 50 tin, bài trên website của Đài PTTH tỉnh tuyên truyền các văn bản chính sách mới về CCHC, hiệu quả thực hiện các nội dung của chương trình tổng thể CCHC nhà nước trong thực tiễn, phản ánh hoạt động kiểm tra công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Ngoài ra, các Phòng Thời sự, Tiếng Dân tộc và Website của Đài đều có các tin, bài, phóng sự tuyên truyền về CCHC. Tổng số lượt tuyên truyền về các nội dung CCHC ở các sở, ban, ngành cấp tỉnh là 1.335 lượt, ở cấp huyện là 110 lượt.

Thực hiện yêu cầu của Bộ Nội vụ về việc tiếp nhận bản tin điện tử CCHC của Văn phòng Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ đề nghị các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện cung cấp địa chỉ e-mail của lãnh đạo các đơn vị để tiếp nhận bản tin điện tử CCHC, tổng hợp danh sách gửi Bộ Nội vụ (Công văn số 665/SNV-CCHC ngày 09/5/2016), đồng thời lập danh sách công chức chuyên trách CCHC của tỉnh làm đầu mối nhận bản tin và chuyển tiếp bản tin theo quy định.

### **3. Công tác kiểm tra CCHC**

Công tác kiểm tra CCHC, thanh tra công vụ, kiểm tra theo chuyên ngành, chuyên đề gắn với kiểm tra CCHC được các đơn vị, địa phương thực hiện khá tốt. Trong năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ tổ chức kiểm tra CCHC tại 10/11 đơn vị (07 đơn vị sở, ngành, 03 đơn vị cấp huyện), thanh tra công tác nội vụ tại 06 đơn vị<sup>4</sup>; Thanh tra tỉnh thực hiện 05 cuộc thanh tra chấp hành Luật gắn với thanh tra công vụ tại 05 đơn vị<sup>5</sup>; Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các ngành kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại 04 đơn vị cấp huyện và 06 đơn vị cấp sở. Tổng số cuộc kiểm tra trên các nội dung của công tác CCHC (kể cả theo hình thức lòng ghép hoặc phối hợp tham gia với các đơn vị khác) tại các ngành, địa phương là 276 cuộc.

Thực hiện Kế hoạch triển khai xác định chỉ số CCHC của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2015, UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ chủ trì, tham mưu tổ chức chấm điểm, điều tra xã hội học và tổng hợp kết quả báo cáo Bộ Nội vụ. Kết quả: chỉ số CCHC tỉnh Nghệ An năm 2015 xếp thứ 21/63 tỉnh, thành phố trong cả nước, tăng 23 bậc so với năm 2014 (Năm 2014, chỉ số CCHC tỉnh Nghệ An xếp thứ 44).

## **II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

### **1. Cải cách thể chế:**

Triển khai các quy định về quản lý nhà nước lĩnh vực hành chính tư pháp, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế, trong đó có nhiệm vụ nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản (QPPL) năm 2016, UBND tỉnh đã ban hành 26/49 văn bản, đạt 53% kế hoạch (tính đến ngày 31/10/2016). Bên cạnh đó, do yêu cầu thực tiễn quản lý, các sở, ngành đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 42 văn bản QPPL ngoài Chương trình. Nhìn chung, công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL được thực hiện đảm bảo đúng quy trình, chất lượng văn bản ngày càng được nâng lên. Ở cấp huyện, việc xây dựng, ban hành và thực hiện Chương trình ban hành văn bản QPPL khá nghiêm túc. Tổng số văn bản QPPL do UBND cấp huyện đã ban hành trong chương trình là 237 văn bản, ngoài chương trình là 26 văn bản.

Công tác rà soát, kiểm tra và tự kiểm tra văn bản QPPL được chú trọng thực hiện thường xuyên ở các ngành, các cấp. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư

<sup>4</sup> 10/11 đơn vị Sở Nội vụ kiểm tra gồm: Sở Lao động TB&XH, Sở Xây dựng, Sở Thông tin&TT, Sở Văn hoá TT&DL, Sở Khoa học & CN, Sở Tư pháp, Sở Y tế, TX Thái Hòa, huyện Diễn Châu, huyện Anh Sơn (01 đơn vị là UBND Thị xã Cửa Lò xin lùi sang năm 2017); thanh tra nội vụ 06 đơn vị gồm: Chi cục Văn thư - Lưu trữ, Trường Cao đẳng Du lịch-Thương mại Nghệ An, UBND các huyện: Đô Lương, Quỳ Hợp, Quỳ Châu, Con Cuông,

<sup>5</sup> 05 đơn vị Thanh tra tỉnh thực hiện gồm: Sở Xây dựng, Sở Giáo dục - ĐT, TX Thái Hòa, huyện Diễn Châu và hiện đang triển khai thêm sau niêm độ báo cáo năm tại huyện Thanh Chương.

pháp rà soát 159 văn bản QPPL do HĐND tỉnh ban từ ngày 31/12/2015 trở về trước đang còn hiệu lực thi hành và trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về việc xử lý kết quả sau rà soát. Ngoài ra, đã thực hiện rà soát văn bản QPPL theo chuyên đề về phí và lệ phí, chính sách tín dụng, hoạt động đối ngoại, các quy định, chính sách hiện hành để tham mưu UBND tỉnh báo cáo Chính phủ xem xét, kiến nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các Luật, Nghị quyết...; tự kiểm tra 55 văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành, qua kiểm tra đã phát hiện 04 văn bản QPPL có dấu hiệu trái quy định pháp luật (trong đó 01 văn bản sai về nội dung, 03 văn bản sai về hiệu lực, thể thức)<sup>6</sup>, sau kiểm tra đã có hướng dẫn cơ quan chủ trì soạn thảo sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật; tiếp nhận, kiểm tra 225 văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp huyện gửi về.

Năm 2016, nhiều văn bản đã được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung nhằm điều chỉnh các mối quan hệ kinh tế - xã hội, định hướng phát triển cho cả giai đoạn tiếp theo như: Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh Quốc gia 2 năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020; Kế hoạch thu hút các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020; Quyết định điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2012 đến năm 2020 định hướng đến năm 2025; Quy định về số lượng, điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình tuyển chọn, đơn vị quản lý và chi trả phụ cấp đối với nhân viên y tế xóm, bản; Đề án Phát triển xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016 - 2020; Chính sách hỗ trợ giảm nghèo đói với các xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 30% trở lên theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020; Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Nghệ An giai đoạn 2015-2020, tính đến năm 2030, v.v...

Công tác cải cách thể chế đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý kinh tế - xã hội, ứng phó kịp thời với các biến động kinh tế - xã hội từng thời kỳ, đồng thời, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, tăng cường thu hút đầu tư, góp phần ổn định và phát triển kinh tế - xã hội Nghệ An trong năm qua.

## 2. Cải cách tổ chức bộ máy:

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/04/2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các thông tư hướng dẫn của bộ, ngành, đến nay, UBND tỉnh

<sup>6</sup> 04 văn bản trái quy định gồm: (1) Quyết định 64/2015/QĐ-UBND ngày 31/10/2015 về ban hành Quy chế công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh Nghệ An; (2) Quyết định 09/2016/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 87/2014/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh; (3) Quyết định 10/2016/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 về điều chỉnh quy định về tuyển đường, thời gian hạn chế lưu thông của các phương tiện tham gia giao thông trên địa bàn tỉnh; (4) Quyết định 20/2016/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 31/2015/QĐ-UBND ngày 28/5/2015 ban hành quy định quản lý chất lượng phân bón trên địa bàn tỉnh.

đã ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của 13/19 sở, ngành<sup>7</sup>. UBND tỉnh cũng đã quyết định kiện toàn tổ chức bộ máy, quy định chức năng, nhiệm vụ của một số đơn vị quản lý cấp 2, một số đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ngành theo quy định của Chính phủ như: ban hành các quyết định thành lập các Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; quy định chức năng nhiệm vụ của Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Chi cục Phát triển nông thôn, Viện Quy hoạch - Kiến trúc xây dựng Nghệ An,...

Thực hiện Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/05/2014 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, ngày 04/3/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND quy định về các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các huyện, thành phố, thị xã của tỉnh Nghệ An. Đến nay, đã có 16/21 UBND huyện, thành, thị hoàn thành việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn.

Các sở, ngành, địa phương đã chủ động sửa đổi, bổ sung hệ thống quy chế nội bộ đảm bảo các quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế nhằm thực hiện tốt công tác quản lý, điều hành, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Tiếp tục ổn định tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, UBND chỉ đạo các sở, ngành liên quan tiến hành rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy phù hợp với quy định; chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng dự thảo đề án thành lập Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ đầu tư trực thuộc UBND tỉnh; dự thảo đề án thành lập Sở Du lịch; xây dựng dự thảo đề án thực hiện hợp nhất các Bệnh viện Đa khoa và Trung tâm Y tế tuyến huyện; đề án sáp nhập các Trung tâm dạy nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trên địa bàn cấp huyện. Nhờ đó, góp phần khắc phục tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; thực hiện tốt công tác phân cấp quản lý.

Các ngành, địa phương tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế. Đến nay, đã có 18 đơn vị xây dựng Đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2015-2021<sup>8</sup>; 24 đơn vị xây dựng đề án tinh giản năm của 2015, 2016<sup>9</sup>. Năm 2016, Bộ Nội vụ phê

<sup>7</sup> 13 sở, ngành gồm: VP UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ, Sở Y tế, Sở Khoa học&CN, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Thông tin&TT, Sở Lao động TB&XH, Sở Nông nghiệp&PTNT, Sở Tài nguyên&MT, Ban Dân tộc, Thanh tra tỉnh.

<sup>8</sup> Các Sở, ngành: Văn hóa-TTDL, Ngoại vụ, Kế hoạch&ĐT, Tài chính, Thanh Tra, Nông nghiệp&PTNT, Trường CĐ nghề KT Việt Đức; các huyện: Tương Dương, Quỳ Châú, Quỳnh Lưu, Tân Kỳ, Yên Thành, Đô Lương, Thanh Chương, Diễn Châú, Nam Đàn, Thành phố Vinh, Con Cuông.

<sup>9</sup> Các Sở: Y tế, Giáo dục&ĐT, Văn hóa TT&DL, Lao động TB&XH, Nông nghiệp&PTNT, Trường CĐ nghề KT Việt Đức, Trường CĐ SP Nghệ An, Trường CĐ Việt Nam - Hàn Quốc; các huyện: Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Anh Sơn, Đô Lương, Thanh Chương, Nam Đàn, Hưng Nguyên, Nghi Lộc, Diễn Châú, Quỳnh Lưu, Tân Kỳ, Yên Thành, Nghĩa Đàn, Quỳ Châú, Quỳ Hợp

duyệt cho 688 người; đến 30/10/2016 đã thẩm định hồ sơ và thông báo chi trả cho 521 người (tổng kinh phí khoảng 50 tỷ đồng); dự kiến đến hết năm 2016 sẽ thẩm định và thông báo chi trả cho số đối tượng còn lại (kinh phí ước tính khoảng 13 tỷ đồng).

Việc xây dựng đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Nghệ An tiếp tục triển khai thực hiện. Trên cơ sở danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh đã được Bộ Nội vụ phê duyệt, UBND tỉnh giao Sở Nội vụ tiếp tục hướng dẫn các đơn vị, địa phương hoàn thiện đề án. Theo đó, ngày 26/10/2016, Sở Nội vụ ban hành Công văn số 7144/SNV-TCBC hướng dẫn các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập và UBND cấp huyện xây dựng đề án vị trí việc làm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt xong trước 30/11/2016 và thực hiện thẩm định đề án cho các đơn vị xong trước ngày 31/12/2016.

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Nghị quyết số 21-NQ/CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước và các quy định của Trung ương về phân cấp, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Nội vụ hoàn thiện dự thảo quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 57/2012/QĐ-UBND về phân công, phân cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

### **3. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC) và thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông:**

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC, Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC trọng tâm năm 2016, thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra các hoạt động kiểm soát TTHC trên toàn tỉnh, thực hiện kiểm soát chất lượng bộ TTHC của các ngành, kiểm soát chất lượng kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC, chỉ đạo các sở, ngành rà soát, hệ thống, cập nhật TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của ngành gửi Sở Tư pháp thẩm định. Trong năm 2016, có 08 sở, ngành đã tham mưu UBND tỉnh quyết định công bố bộ TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết<sup>10</sup>. Tổng số TTHC đã rà soát, đơn giản hóa toàn tỉnh là 2.395 thủ tục, trong đó có 174 TTHC đã có kiến nghị huỷ bỏ, bãi bỏ hoặc đơn giản hóa góp phần tạo sự thông thoáng, thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Nhiều sở, ngành đã có những giải pháp khá hiệu quả trong cải cách TTHC, tạo điều kiện thuận lợi, giảm thời gian giải quyết TTHC như: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cắt giảm thời gian đối với 02 TTHC liên quan đến lĩnh vực Quảng cáo; Sở Tài chính đã triển khai hiệu quả công tác tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ Mã số có quan hệ với ngân sách qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 của Bộ Tài chính, đồng thời cắt giảm thời gian giải quyết 5 ngày làm việc xuống còn 2 ngày làm việc; Sở Giao thông Vận tải ứng dụng phần mềm bấm số thứ tự

<sup>10</sup> 08 đơn vị gồm: Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tư pháp, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường.

tự động có chụp ảnh để đảm bảo tính chính xác, công bằng; Sở Thông tin và Truyền thông rút ngắn thời gian giải quyết của 8/9 TTHC; Cục Thuế đẩy nhanh tiến độ giải quyết các TTHC; Sở Tư pháp phối hợp với Công an tỉnh rút ngắn thời gian cấp phiếu lý lịch tư pháp từ 10 ngày xuống còn 7 ngày. Công an tỉnh, Sở Giao thông Vận tải, Sở Tư pháp tiếp tục phối hợp với doanh nghiệp bưu chính chuyển trả kết quả giải quyết theo yêu cầu của người dân, v.v... Đặc biệt, năm 2016, Công an tỉnh được Bộ Công an xếp thứ 1/103 đơn vị, địa phương trong lực lượng Công an nhân dân về công tác CCHC.

Cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tiếp tục được các đơn vị, địa phương quan tâm. Triển khai Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 15/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương và Quyết định số 60/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Nghệ An, nhiều đơn vị, địa phương đã tiến hành kiện toàn nhân sự, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới quy chế, quy định tổ chức và hoạt động của bộ phận một cửa, nâng cấp sửa chữa phòng làm việc, mua sắm trang thiết bị, công khai thủ tục và quy trình thực hiện tại bộ phận một cửa đảm bảo đúng các quy định hiện hành. Hiện nay, toàn tỉnh có 258 đơn vị đã ban hành quy chế mới hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của bộ phận một cửa.

Để đẩy mạnh CCHC lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp theo hướng tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các ngân hàng triển khai hỗ trợ doanh nghiệp mở tài khoản ngân hàng ngay khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, nhằm giúp cho doanh nghiệp giảm thủ tục hành chính, giảm chi phí, rút ngắn thời gian và sớm triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các ngành, địa phương tiếp tục thực hiện Đề án nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo hướng hiện đại tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2014-2020. Trong năm, có một số đơn vị<sup>11</sup> xây dựng dự toán trình Sở Tài chính thẩm định để hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao trong đề án. Đến nay có 02 đơn vị đã được UBND tỉnh cấp kinh phí hỗ trợ là Ban Quản lý KKT Đông Nam (số tiền: 107 triệu đồng) và UBND Thành phố Vinh (số tiền: 200 triệu đồng).

Kết quả giải quyết hồ sơ qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở các cấp như sau: Tại các sở, ngành đã tiếp nhận 1.307.895 hồ sơ, trong đó: đã giải quyết đúng hạn 1.305.418 hồ sơ, quá hạn 101 hồ sơ. Tại UBND cấp huyện đã tiếp nhận 329.953 hồ sơ, trong đó: đã giải quyết đúng hạn 317.751 hồ sơ, quá hạn 1.453 hồ sơ. Tại UBND cấp xã đã tiếp nhận 1.502.042 hồ sơ, trong đó: đã giải quyết đúng hạn 1.483.626 hồ sơ, quá hạn 701 hồ sơ.

<sup>11</sup> Một số đơn vị gồm: Ban Quản lý KKT Đông Nam, Sở Tư pháp, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, UBND TP Vinh; UBND TX Hoàng Mai, UBND các huyện Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Quỳ Châu.

#### **4. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:**

Ngày 04/3/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND về Quy chế tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, thuyên chuyển, số lượng, tiêu chuẩn, chức trách, nhiệm vụ đối với công chức xã, phường, thị trấn; Ban hành Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 17/5/2016 về Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Triển khai Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 16/3/2016 về việc giao chỉ tiêu và cấp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, năm 2016, ở cấp tỉnh, đã mở 10 lớp đào tạo mới cho 617 học viên, 286 lớp bồi dưỡng cho 21.242 học viên tham gia.

UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị, địa phương thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại lãnh đạo cấp sở, ngành, phê chuẩn kết quả bầu bổ sung chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch của UBND cấp huyện, sắp xếp, bố trí công tác cho 179 Phó Chủ tịch UBND cấp xã theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương sau bầu cử Đại biểu Quốc hội khoá XIV và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021.

Kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan, đơn vị tiếp tục được tăng cường. Sau hội nghị của UBND tỉnh quán triệt Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã đã tổ chức hội nghị quán triệt nội dung Chỉ thị cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động, đồng thời xây dựng, ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị tại cơ quan, đơn vị. UBND tỉnh giao cho Sở Nội vụ chủ trì tham mưu xây dựng Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg, Chỉ thị 17/CT-TU ngày 31/2/2013 của Ban thường vụ Tỉnh ủy và Chỉ thị số 10/2013/CT-UBND về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh trong năm 2017.

#### **5. Cải cách tài chính công:**

UBND tỉnh tiếp tục ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các quy định về tài chính, ngân sách, chính sách liên quan trực tiếp đến công tác quản lý ngân sách, an sinh xã hội như: chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quy định về mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh; quy định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị trên địa bàn tỉnh; quy định hệ số điều chỉnh giá đất; công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2016; công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2014, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An...

Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí được giao theo các quy định của Chính phủ tiếp tục thực hiện tốt tại các cơ quan, đơn vị. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính tiếp tục tham mưu triển khai chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013

sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 là 198/706 đơn vị (chủ yếu các cơ quan cấp huyện và xã chưa giao); theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP là 1.020/1.882 đơn vị (khối cấp tỉnh 100% đơn vị đã thực hiện giao tự chủ). Hầu hết các cơ quan, đơn vị đã chủ động trong thực hiện nhiệm vụ, hạn chế chi tiêu, thực hành tiết kiệm hiệu quả, tăng thu nhập cho CBCCVVC và người lao động.

Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (thay thế Nghị số định 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005), UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Khoa học & Công nghệ tham mưu dự thảo Chỉ thị về đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ này.

## 6. Hiện đại hóa nền hành chính:

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, nhằm đẩy mạnh một bước nhiệm vụ hiện đại hóa nền hành chính, ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã ban hành các kế hoạch gồm: Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 29/02/2016 về cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của các cơ quan nhà nước tỉnh Nghệ An, Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 29/02/2016 về hành động thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP, Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 15/3/2016 về tập trung chỉ đạo triển khai, quản lý, vận hành, sử dụng Hệ thống chính quyền điện tử HCM Egov Framework 2.0 trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 29/3/2016 về triển khai mở rộng hệ thống chính quyền điện tử HCM Egov Framework 2.0 cho các sở và huyện trên địa bàn tỉnh. Tính đến ngày 25/10/2016, đã triển khai cài đặt, cấu hình hệ thống và đào tạo hướng dẫn sử dụng cho 29 đơn vị (trong đó, có 14 đơn vị chính thức sử dụng phần mềm, 15 đơn vị đã tổ chức đào tạo chuyển giao, hiện đang triển khai ứng dụng thí điểm và xây dựng kế hoạch đưa vào sử dụng chính thức), còn 09 đơn vị sẽ đào tạo trong tháng 11/2016<sup>12</sup>.

UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu các nội dung như: trực tiếp làm việc Cục Bưu điện Trung ương, Tập đoàn VNPT để thống nhất phương án triển khai kết nối hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh; triển khai mô hình ứng dụng chữ ký số; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị về việc sử dụng chứng thư số do Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp để phục vụ triển khai dịch vụ thuế điện tử và bảo

<sup>12</sup> 14 đơn vị đã sử dụng gồm: Sở Lao động TB&XH, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên&MT, Ban dân tộc, Sở Giao thông VT, Sở Thông tin&TT, VP UBND tỉnh; UBND TX Thái Hòa, UBND các huyện: Quỳ Hợp, Nghi Lộc, Anh Sơn, Tân Kỳ, Quỳnh Lưu, Yên Thành. 15 đơn vị triển khai ứng dụng thí điểm, xây dựng kế hoạch sử dụng gồm: Sở Nông nghiệp&PTNT, Sở Y tế, Sở Tư pháp, Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh, UBND Tp Vinh, UBND TX Cửa Lò, UBND các huyện: Thanh Chương, Quỳ Châu, Nghĩa Đàn, Hưng Nguyên, Con Cuông, Tương Dương, Kỳ Sơn. 09 đơn vị chưa đào tạo gồm: Sở Nội vụ, Sở Xây dựng, Sở Văn hoá TT&DL, Sở Giáo dục&ĐT UBND các huyện: Đô Lương, Nam Đàn, Quế Phong, Diễn Châu và TX Hoàng Mai.

hiểm xã hội điện tử; triển khai hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến; đảm bảo hệ thống giao ban trực tuyến ổn định, chất lượng, phục vụ tốt 19 cuộc họp trực tuyến; đảm bảo cơ sở hạ tầng kỹ thuật của Cổng TTĐT tỉnh và 54 cổng TTĐT thành phần, thu thập, cập nhật thông tin kịp thời lên Cổng TTĐT của tỉnh; theo dõi kết quả sử dụng của 7.447 tài khoản thư của các đơn vị, địa phương đã được cấp hoạt động trên hệ thống thư công vụ tỉnh.

Thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại Kế hoạch số 102/KH-UBND, Cổng thông tin điện tử tỉnh phối hợp với VNPT Nghệ An thử nghiệm cung cấp dịch vụ công trên Cổng thông tin điện tử tỉnh (*tại địa chỉ truy cập dichvucong.nghean.gov.vn*). Hiện nay, Cổng TTĐT và VNPT Nghệ An đã tích hợp được 1.530 dịch vụ công mức độ 2; 719 dịch vụ mức độ 3; 06 dịch vụ mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của 16 sở, ban, ngành và 20 huyện, thành, thị. Dự kiến đến hết năm 2016, cảng dịch vụ công của tỉnh sẽ đi vào vận hành.

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 9001:2008 tiếp tục thực hiện trong các cơ quan, đơn vị. Triển khai Quyết định số 4103/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, đơn vị, thời gian qua, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức kiểm tra tại 34 cơ quan, đơn vị (số đơn vị còn lại kiểm tra thông qua báo cáo). Đến nay, toàn tỉnh đã có 58/59 đơn vị quyết định công bố áp dụng HTQLCL trong quy trình giải quyết công việc của nội bộ cơ quan, đảm bảo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ (còn UBND huyện Tương Dương chưa công bố); bổ sung thêm 03 đơn vị thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng hệ thống là UBND Thị xã Hoàng Mai, Chi cục Bảo vệ môi trường (tách ra khỏi HTQLCL của Sở Tài nguyên và Môi trường) và Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội. Hiện 03 đơn vị này đang xây dựng đề án thực hiện.

## II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

### 1. Tồn tại, hạn chế:

- Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản QPPL chậm, tỷ lệ văn bản ban hành theo kế hoạch đạt thấp (53%), tỷ lệ văn bản QPPL ban hành ngoài Chương trình lớn, chiếm 85,7% số văn bản QPPL trong chương trình.

- Một số sở, ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ chậm.

- Nhiều sở, ngành chưa chủ động tham mưu UBND tỉnh rà soát, công bố bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, do đó hiện nay vẫn chưa có bộ TTHC dùng chung của cả 3 cấp, gây lúng túng cho cấp huyện, cấp xã trong việc công khai, thực hiện TTHC dẫn đến thời gian giải quyết TTHC còn dài.

- Chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông ở một số cơ quan, đơn vị còn thấp, chưa đảm bảo quy định; ở một số đơn vị, địa phương vẫn còn tình trạng giải quyết TTHC tại phòng chuyên môn.

- Việc ứng dụng CNTT vào hoạt động của một số cơ quan, đơn vị chưa hiệu quả; tiến trình ứng dụng CNTT để tiến tới liên thông chính quyền điện tử còn chậm: Cập nhật thông tin lên Cổng TTĐT chưa thường xuyên, sử dụng hộp thư điện tử công vụ hạn chế, chưa chủ động đăng ký và thực hiện giao ban, hội họp trên hệ thống giao ban điện tử trực tuyến,...

- Việc áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 chưa hiệu quả, vẫn còn 01 đơn vị chưa công bố HTQLCL phù hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, còn 03 đơn vị chưa triển khai xây dựng, áp dụng.

- Báo cáo CCHC định kỳ của một số cơ quan, đơn vị chất lượng thấp. Còn đơn vị không có báo cáo năm (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) hoặc gửi báo cáo chậm (Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Quỳ Hợp, UBND huyện Nghĩa Đàn), báo cáo không có phụ lục kèm theo hoặc phụ lục không đúng yêu cầu, không đủ số liệu gây khó khăn cho cơ quan tổng hợp (Công an tỉnh, Cục Hải quan, Bảo hiểm Xã hội, UBND các huyện: Con Cuông, Anh Sơn, Đô Lương, Hưng Nguyên, Hoàng Mai, Nam Đàn, Quỳnh Lưu,...)

## **2. Nguyên nhân:**

### **a. Nguyên nhân chủ quan**

- Các cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì tham mưu soạn thảo văn bản QPPL chưa bám sát nhiệm vụ để xây dựng dự thảo văn bản theo chương trình đã đăng ký; chưa bám sát chức năng, nhiệm vụ và các quy định hiện hành, quy định mới để tham mưu đề xuất, đăng ký văn bản QPPL cần ban hành đưa vào trong Chương trình.

- Thực thi trách nhiệm người đứng đầu trong công tác CCHC ở nhiều cơ quan, đơn vị chưa cao. Công tác kiểm tra, xử lý trách nhiệm của các tập thể, cá nhân (nhất là người đứng đầu, công chức trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính) chưa được quan tâm đúng mức. Công chức tham mưu nhiệm vụ CCHC của các đơn vị, địa phương chủ yếu được bố trí theo hình thức kiêm nhiệm và thường xuyên thay đổi, do đó chất lượng tham mưu còn hạn chế, chưa chủ động, chưa tích cực.

- Công tác CCHC ở một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự được quan tâm đúng mức.

### **b. Nguyên nhân khách quan**

Hệ thống các quy định của pháp luật thiếu ổn định, thiếu tính thống nhất, nhiều quy định còn chồng chéo, bất cập. Văn bản hướng dẫn triển khai các quy định của Chính phủ của một số bộ, ngành thiếu kịp thời.

### **III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2017**

**1.** Ban hành và thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ Chương trình xây dựng văn bản QPPL; Tiếp tục kiểm tra, tự kiểm tra, hệ thống hóa các văn bản QPPL; Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách.

**2.** Kiện toàn bộ máy tổ chức của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Chính phủ; Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các sở, ngành còn lại. Hoàn thành đề án và thực hiện thẩm định đề án vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị. Thực hiện phân công, phân cấp các lĩnh vực quản lý nhà nước. Tinh giản biên chế.

**3.** Đẩy mạnh cải cách TTHC. Thực hiện có hiệu quả công tác kiểm soát TTHC; tập trung rà soát, công bố bộ TTHC cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Tổng điều tra, khảo sát mức độ hài lòng về sự phục vụ của cơ quan nhà nước. Xây dựng lộ trình giảm thời gian giải quyết TTHC và có cơ chế giám sát việc thực hiện giải quyết TTHC và tiến hành việc kiểm tra, giám sát thường xuyên, có thể lặp đi lặp lại ở những đơn vị còn nhiều hạn chế, yếu kém nhằm tạo kết quả chuyển biến thực sự và rõ nét về kỷ luật, kỷ cương hành chính, năng lực quản lý, điều hành và chất lượng dịch vụ công.

**4.** Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông ở các đơn vị, địa phương đi vào hoạt động đúng yêu cầu quy định, thực chất. Tiếp tục triển khai Đề án Nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa giai đoạn 2014 - 2020.

**5.** Nâng cao chất đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đề xuất xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính. Áp dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động tuyển dụng, thi nâng ngạch; Đổi mới phương thức tuyển chọn lãnh đạo, quản lý; Triển khai các quy định về chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức, viên chức. Quản lý công chức trên phần mềm.

**6.** Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trong các tổ chức khoa học - công nghệ công lập; Đổi mới phân bổ ngân sách đối với cơ quan hành chính nhà nước, tăng cường quản lý việc sử dụng ngân sách tại các cơ quan, đơn vị.

**7.** Xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Nghệ An. Hoàn thành, nâng cấp và đưa vào vận hành hệ thống phần mềm HCM Egov Framework 2.0. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước và trong việc đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp, nhân dân đối với quá trình giải quyết TTHC (bao gồm cả thái độ làm việc của công chức); Vận hành hiệu quả cổng dịch vụ

công trực tuyến mức độ cao.

**8.** Tiếp tục triển khai xây dựng các chương trình tuyên truyền, các chuyên trang, chuyên mục về cải cách hành chính, công khai minh bạch các TTHC trên các phương tiện thông tin đại chúng, góp phần thiết thực, hiệu quả vào hiệu ứng lan tỏa của công tác cải cách hành chính đến đông đảo người dân và doanh nghiệp.

**9.** Đánh giá, xếp loại công tác CCHC năm 2017 của các sở, ngành, địa phương; Xây dựng kế hoạch CCHC nhà nước năm 2018./. *fuya*

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ, Vụ CCHC (để b/c);
  - Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
  - Thường trực HĐND tỉnh;
  - Ban Pháp chế HĐND;
  - Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
  - CVP, PVP TH UBND tỉnh;
  - Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
  - UBND các huyện, thành, thị;
  - Lưu VT, TH.
- Q*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Xuân Đại

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP**  
**SỐ LIỆU CÔNG TÁC CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2016**  
Tính đến ngày 31/10/2016  
(Kèm theo Báo cáo số.6&f.ngày.11...tháng..11..năm 2016 của UBND tỉnh Nghệ An)

| STT   | Nội dung thực hiện   | Đơn vị tính | Kết quả thực hiện                |             |          | Ghi chú |
|---|--|-------------|----------------------------------|-------------|----------|---------|
|   |  |             | Ở các sở, ban, ngành<br>cấp tỉnh | Ở cấp huyện | Ở cấp xã |         |
| <b>I CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH, TUYÊN TRUYỀN, KIỂM TRA</b> |  |             |                                  |             |          |         |
| 1   | Xây dựng và ban hành kế hoạch CCHC năm, kế hoạch chuyên đề để triển khai nhiệm vụ CCHC | Đơn vị/Tổ   | 26/26                            | 21/21       |          |         |
| 2   | Kết quả thực hiện kế hoạch CCHC năm 2016   | %           | 98,6                             | 93          |          |         |
| 3   | Tổng số văn bản chỉ đạo, điều hành, triển khai các nội dung CCHC đã ban hành           | Văn bản     | 208                              | 242         |          |         |
| 4   | Tổng số cuộc hội nghị, giao ban đánh giá, triển khai công tác CCHC                     | Cuộc        | 135                              | 66          |          |         |
| 5   | Tổng số cuộc kiểm tra CCHC đã thực hiện theo kế hoạch                                  | Cuộc        | 136                              | 140         |          |         |
| 6   | Tuyên truyền CCHC  | Lượt        | 1.335                            | 110         |          |         |

|                                    |  |                      |       |       |       |
|------------------------------------|--|----------------------|-------|-------|-------|
| 7                                  | Các sáng kiến, mô hình điển hình trong công tác CCHC   | Mô hình              | 43    | 11    |       |
| <b>II CÁI CÁCH THỂ CHẾ</b>         |  |                      |       |       |       |
| 1                                  | Số văn bản QPPL đã ban hành/Tổng số văn bản QPPL trong Chương trình ban hành văn bản QPPL  | VB/TSố               | 26/49 | 237   | -     |
| 2                                  | Số văn bản QPPL đã tham mưu ban hành ngoài Chương trình ban hành văn bản QPPL  | VB/TSố               | 42    | 26    | -     |
| 3                                  | Tổng số văn bản QPPL đã rà soát ở các cấp  | Văn bản              | 159   | 1.912 | 1.858 |
| 4                                  | Kết quả xử lý văn bản QPPL ở các cấp sau khi rà soát   | Văn bản              | 8     | 419   | 412   |
| 5                                  | Kết quả tự kiểm tra, kiểm tra văn bản QPPL ở các cấp   | Văn bản<br>(lượt VB) | 55    | 239   | 885   |
| <b>III CÁI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY</b> |  |                      |       |       |       |
| 1                                  | Số đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện đã hoàn thành việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo quy định hiện hành | Đơn vị               | 13/19 | 16/21 | -     |
| 2                                  | Tổng số phòng/cơ quan chuyên môn đã ban hành quy chế hoạt động phục vụ công tác quản lý  | Đơn vị               | 141   | 13    | -     |
| 3                                  | Tổng số cơ quan, đơn vị thành lập mới (kể cả cấp phòng, ban)   | Đơn vị               | 10    | 02    | -     |
| 4                                  | Tổng số cơ quan, đơn vị chia tách, sáp nhập, giải thể  | Đơn vị               | 07    | 10    | -     |
| 5                                  | Tổng số đơn vị sự nghiệp đã sửa đổi, bổ sung quy chế nội   | Đơn vị               | 140   | 309   | -     |

|           |  |                       |       |     |     |  |
|-----------|--|-----------------------|-------|-----|-----|--|
|           | bộ   |                       |       |     |     |  |
| 6         | Tổng số phòng của các cơ quan chuyên môn/cấp tỉnh, cấp huyện đã xây dựng để án vị trí việc làm                                   | Đơn vị                | 183   | 12  | -   | 11 Sở ngành; 09 huyện<br>báo cáo (Cấp huyện<br>tỉnh binh quân) |
| <b>IV</b> | <b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA</b>   |                       |       |     |     |  |
| 1         | Số đơn vị đã tham mưu ban hành Quyết định công bố bộ thủ tục hành chính mới nhất thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị | Đơn vị                | 08    | -   | -   | Tổng số có 20 sở,<br>ngành                                     |
| 2         | Tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã hiện nay theo quy định       | Thủ tục               | 1.434 | 177 | 130 | Cấp huyện, cấp xã tính<br>binh quân cho 01 đơn vị              |
| 3         | Tổng số TTTHC thực hiện qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa của sở, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã    | Thủ tục               | 1.063 | 137 | 109 | Cấp huyện, cấp xã tính<br>binh quân cho 01 đơn vị              |
| 4         | Tổng số TTTHC thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông của sở, ngành, UBND cấp huyện   | Thủ tục               | 32    | 23  | 02  |  |
| 5         | Tổng số TTTHC công khai tại bộ phận một cửa của ở các cấp  | Thủ tục               | 1.063 | 137 | 109 |  |
| 6         | Tổng số TTTHC công khai trên công thông tin điện tử của sở, ngành, UBND cấp huyện  | Thủ tục               | 1.434 | 177 | 130 |  |
| 7         | Tổng số TTTHC ở các cấp đã rà soát, đơn giản hóa   | Thủ tục<br>(Luợt thủ) | 790   | 839 | 766 |  |

|    |  |              |           |         |           |
|----|--|--------------|-----------|---------|-----------|
|    |  | tục)         |           |         |           |
| 8  | Tổng số TTHC của ngành (huyện, xã) được kiến nghị hủy bỏ, bãi bỏ hoặc thay thế   | Thủ tục      | 133       | 17      | 24        |
| 9  | Số đơn vị ở các cấp so với tổng số đơn vị đã ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả                                     | Đơn vị/TS số | 4/20      | 5/21    | 249/462   |
| 10 | Tổng số cán bộ, công chức, viên chức bổ túc làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở các cấp (Không tính các đơn vị sự nghiệp)  | Người        | 42        | 95      | 1.139     |
|    | Trong đó: Chuyên trách   | Người        | 17        | 100     |           |
| 11 | Chê độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại bộ phận một ở các cấp bình quân/người/tháng  | 1000 đồng    | 400       | 327     | 294       |
| 12 | Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa ở các cấp (kè cả số hồ sơ năm trước chuyền qua)                                 | Hồ sơ        | 1.307.895 | 329.953 | 1.502.042 |
|    | - Tổng số hồ sơ giải quyết đúng hạn  | Hồ sơ        | 1.305.418 | 317.751 | 1.483.626 |
|    | - Tổng số hồ sơ giải quyết quá hạn   | Hồ sơ        | 101       | 1.453   | 701       |
|    | - Tổng số hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết   | Hồ sơ        | 2.203     | 10.409  | 17.475    |
|    | - Tổng số hồ sơ tồn đọng   | Hồ sơ        | 74        | 340     | 240       |
| 13 | Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông tại sở, ngành (UBND cấp huyện) (kè cả số hồ sơ năm trước chuyền qua) | Hồ sơ        | 8.900     | 38.585  | -         |

|          |  |       |        |        |                    |
|----------|--|-------|--------|--------|--------------------|
| -        | Tổng số hồ sơ giải quyết đúng hạn  | Hồ sơ | 8.890  | 29.885 | -                  |
| -        | Tổng số hồ sơ giải quyết quá hạn   | Hồ sơ | -      | 7      | -                  |
| -        | Tổng số hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết   | Hồ sơ | 10     | 5.693  | -                  |
| -        | Tổng số hồ sơ tồn đọng   | Hồ sơ | -      | -      | -                  |
| <b>V</b> | <b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC</b>                                      |       |        |        |                    |
| 1        | Tổng số cán bộ, công chức, viên chức hiện có của tỉnh  | Người | 3.578  | 59.964 | 10.461             |
| 2        | Trong đó: Số đạt chuẩn   |       | -      | -      | 9.700              |
| 3        | Tổng số cán bộ, công chức, viên chức được tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng                                   | Người | 21.859 | 24.991 | -                  |
| 4        | Tổng số lớp đào tạo, bồi dưỡng đã tổ chức theo thẩm quyền được giao  | Lớp   | 296    | 185    | -                  |
| 5        | Tổng số CBCCVVC được bổ nhiệm mới  | Người | 124    | 161    | -                  |
| 6        | Tổng số CBCCVVC điều động, thuyên chuyển   | Người | 223    | 828    | -                  |
| 7        | Tổng số CBCCVVC bị kỷ luật   | Người | 02     | 110    | -                  |
| 8        | Tổng số CBCCVVC nghỉ hưu theo chế độ   | Người | 140    | 441    | -                  |
| 9        | Tổng số CBCCVVC tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ                                | Người |        |        | Tổng số: 688 người |
| 10       | Tổng số cán bộ, công chức, viên chức đã chuyển đổi vị trí công tác trong năm theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP và | Người | 264    | 261    |                    |

|                                    |  |                        |       |     |                           |
|------------------------------------|--|------------------------|-------|-----|---------------------------|
|                                    | Nghị định 150/2013/NĐ-CP của Chính phủ   |                        |       |     |                           |
| 11                                 | Tổng số cán bộ, công chức, viên chức đã chuyển đổi vị trí công tác kể từ khi triển khai Nghị định 158/2007/NĐ-CP của Chính phủ   | Người                  | 2.054 | 713 |                           |
| <b>VI CÁI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>  |  |                        |       |     |                           |
| 1                                  | Tổng số cơ quan, đơn vị đã thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ (nay được thay thế bằng Nghị định số 16/2015/NĐ-CP) | Đơn vị                 | 198   | -   | -                         |
| 2                                  | Kinh phí tiết kiệm tăng thu nhập cho CBCCVC và người lao động bình quân hàng tháng/người của cơ quan, đơn vị   | Đơn vị                 | 1.020 | -   | -                         |
| 3                                  |  | 1.000 đồng             | 167   | 627 | -                         |
| <b>VII HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH</b> |  |                        |       |     |                           |
| 1                                  | Tổng số phần mềm chuyên ngành các loại đang áp dụng tại các cơ quan, đơn vị  | Lượt phân mềm          | 104   | 79  | -                         |
| 2                                  | Tổng số dịch vụ hành chính công đã cung cấp trên trên công thông tin điện tử ở mức độ 1,2  | Dịch vụ                |       |     | Tổng số có: 1.530 dịch vụ |
| 3                                  | Tổng số dịch vụ hành chính công đã cung cấp trên trên trang thông tin điện tử hoặc công thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị ở mức độ 3,4   | Dịch vụ (Lượt dịch vụ) | 392   | 333 | -                         |

|   |  |        |         |     |   |                                      |
|---|--|--------|---------|-----|---|--------------------------------------|
| 4 | Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận và giải quyết bằng dịch vụ công mức độ 3, 4                   | Hồ sơ  | 45.3025 | -   | - | Chủ yếu của ngành thuế               |
| 5 | Tổng số đơn vị đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO TCVN 9001:2008 | Đơn vị |         |     |   | Tổng số có 58/59 đơn vị đã thực hiện |
| 6 | Tổng số hội nghị, giao ban trực tuyến đã tổ chức hoặc tham gia                           | Cuộc   | 19      | 179 |   | Ở cấp huyện tính số lượt tham gia    |